

KHẢO SÁT YẾU TỐ TÁC HẠI NGHỀ NGHIỆP ĐẾN BỆNH GIỌNG CỦA GIÁO VIÊN TRƯỜNG TIỂU HỌC TẠI ĐÔNG ANH

PHẠM THỊ NGỌC, Viện Tai Mũi Họng Trung ương
TẠ TUYẾT BÌNH, Viện Y học lao động và Vệ sinh môi trường
PHẠM VĂN THỨC, Đại học Y Hải Phòng

TÓM TẮT

Bằng phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang, đề tài đã triển khai khảo sát tác hại nghề nghiệp đến giọng của giáo viên tiểu học tại Đông Anh.

Kết quả đã cho thấy: lớp học không đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh, không có thiết bị tăng âm cho giáo viên, tiếng ồn trong lớp vượt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép từ 13 đến 23,4dBA, giáo viên phải sử dụng giọng thường xuyên kéo dài và phát âm to hơn nhiều khi giao tiếp bình thường. Và đây cũng chính là các

nguy cơ gây bệnh giọng nghề nghiệp ở giáo viên tiểu học tại 2 trường ở Đông Anh.

Từ khóa: tác hại nghề nghiệp, giọng của giáo viên tiểu học

SUMMARY

A cross-sectional study on two primary schools in Dong Anh aiming at to investigate the occupational hazard on teachers' voice.

The results showed that: the design of class was not meet the hygienic standard, there were not note

magnifier for teachers. The noise was exceeded the allowable hygienic standard about 13 to 23.4 dBA. The teachers should use theirs voice for long time and always speak louder in their teaching time..

The authors concluded that, the teachers on Dong Anh Primary schools suffer from some above occupational hazard on theirs voice.

Keywords: primary schools, occupational hazard teachers' voice

ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghề giáo viên được đánh giá là nghề có mức nặng nhọc độc hại đến cơ quan phát âm (mức 4/6) theo đánh giá mức độ nặng nhọc độc hại nghề nghiệp của Liên Xô cũ. Tuy nhiên đây mới chỉ là đánh giá theo tính chất nghề nghiệp, còn điều kiện làm việc cũng góp phần không nhỏ đến việc làm tăng mức nặng nhọc của công việc, đó là điều kiện vệ sinh trường lớp, chế độ làm việc và các thiết bị phụ trợ cho giảng dạy v.v. Để tài đã tiến hành khảo sát yếu tố tác hại nghề nghiệp đến bệnh giọng của giáo viên trường tiểu học tại Đông Anh nhằm

Mục tiêu nghiên cứu: Phát hiện các yếu tố nguy cơ gây bệnh giọng nghề nghiệp ở giáo viên.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu:

- Các lớp học tại 02 trường tiểu học tại Đông Anh
- 51 Giáo viên dạy tại 02 trường tiểu học tại Đông Anh

2. Phương pháp nghiên cứu:

Nghiên cứu mô tả cắt ngang. Các kỹ thuật được sử dụng trong nghiên cứu:

- Khảo sát ergonomi vệ sinh lớp học theo qui định về vệ sinh trường học số 1221/2000/QĐ-BYT, Hà Nội 18/4/2000.

- Bấm thời gian lao động
- Đo tiếng ồn trong lớp học
- Phỏng vấn về đặc thù nghề nghiệp của giáo viên liên quan đến cơ quan phát âm

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN:

1. Kết quả khảo sát lớp học tại 2 trường tiểu học ở Đông Anh thấy:

Bảng 1. Kích thước lớp học so với yêu cầu vệ sinh lớp học

	Lớp xây chuẩn	Lớp không chuẩn	Yêu cầu vệ sinh lớp học*
Dài lớp (m)	7	8	<= 8,5m
Rộng lớp (m)	7 - 8	6	<= 6,5m
Cao lớp (m)	3,5	3,0	>=3,6 m
Diện tích/1 HS (m ²)	1,17 – 1,44	1,14 – 1,41	1,10-1,25
Thể tích/1 HS (m ³)	4,08 – 5,05	3,2 – 3,42	
% S cửa chiếu sáng tự nhiên/ S lớp	15,2 (cửa sổ) 26,0 (cửa sổ+cửa đi)	10,3 (cửa sổ) 15,4 (cửa sổ+cửa đi)	>= 20

* "Qui định về vệ sinh trường học" số 1221/2000/QĐ-BYT Hà Nội 18/4/2000

Một trường còn có 7/28 lớp là nhà xây cấp 4 (không chuẩn). Khu lớp chuẩn xây kiên cố nhà mái bằng, trần và tường sơn bả, nền lát gạch đá hoa.

Lớp học không chuẩn nhà cấp 4 xây đơn giản, lợp ngói có trần phen, nền lát gạch

Theo yêu cầu về vệ sinh phòng học trên thì nhìn chung cả 2 loại lớp chưa đạt Tiêu chuẩn về chiều cao lớp học, lớp xây kiên cố chưa đạt tiêu chuẩn về chiều rộng lớp. Còn tiêu chuẩn "diện tích lớp/1 học sinh" đảm bảo tiêu chuẩn đối với cả lớp xây chuẩn và lớp tạm cấp 4. Nói chung, diện tích cửa chiếu sáng tự nhiên cũng không đảm bảo theo tiêu chuẩn vệ sinh.

Khảo sát thêm về thiết bị tăng âm trong lớp để hỗ trợ giáo viên giảng dạy thì hầu hết không có lớp nào được trang bị. Điều này làm tăng thêm gánh nặng cho giáo viên khi giảng bài.

Bảng 2. Kết quả đo tiếng ồn trong quá trình học tập tại trường

Thời điểm đo	Tiếng ồn (dBA)
Cô đọc, cô giảng bài	74,2 (68 – 78,4)
HS nghe và viết bài	68,8 (61 – 69,1)
HS ra chơi	89 dBA
Ngoài sân, HS trong lớp + trường Nguyên Khê	72 dBA
+ trường TH thị trấn ĐA	55,5 – 64,1 dBA
Tiêu chuẩn	<= 50 dBA

Một tiết học thường kéo dài từ 35 – 40 phút (môn chính) và 30-35 phút (môn năng khiếu). Theo dõi bấm thời gian lao động để khảo sát thời gian cô phải nói trong tiết học thấy chiếm từ 47,3 – 60% (đối với môn học) và 90% đối với môn thể dục, trong đó có đúng giảng 25 phút. Trong lúc cô giảng bài, tiếng ồn ngoài sân trường khá cao nên cô phải cố gắng nói to hơn để học sinh nghe được bài. Môn thể dục, ngoài thời gian phải nói nhiều, giáo viên thường phải nói to hơn (trung bình 75 dbA).

Các môn học được khảo sát là các môn luyện tập (toán luyện tập, luyện đọc) nên thời gian cô phải nói ít hơn so với khi giảng bài mới.

Hiện nay có phương tiện hỗ trợ thêm cho giảng dạy như môn lịch sử, cuối tiết học có xem video bổ sung bài học (4-5 phút) làm cho bài giảng phong phú, tăng tiếp nhận cho học sinh và cũng giảm tải gánh nặng về cơ quan phát âm cho giáo viên.

Bảng 3. Kết quả đánh giá những vấn đề liên quan đến căng thẳng cơ quan phát âm của giáo viên 2 trường tiểu học

	Trường Tiểu học NK (n=28)	Trường Thị trấn ĐA (n=23)
Tiết học phải nói nhiều nhất + Tiếng Việt	(92,9%)	20 (87%)
+ Toán	20 (71,4%)	11 (47,8%)
+ Khác	5 (17,9%)	6 (26,1%)
Môn học phải nói to hơn + Tiếng Việt	12 (42,9%)	7 (30,4)
+ Toán	24 (85,7%)	14 (60,9%)
Có thường xuyên phải nói to	21 (75,0%)	6 (26,1)
Mệt hơn vào cuối tiết học	26 (92,9%)	19 (82,6%)

Trường tiểu học Nguyên Khê là trường học vùng nông nghiệp, HS trong lớp từ 34-42 HS. Trong tổng số 28 lớp, còn 7 lớp phải học trong điều kiện lớp học nhà cấp 4; những lớp còn lại ở trong toà nhà mái bằng kiên cố và được xây theo mẫu chuẩn lớp học. Qua phỏng vấn 28 nữ GV của trường với thâm niên nghề từ 14-25 năm thấy 2 môn Tiếng Việt và Toán cô phải nói nhiều và nói to; 92,9% có phản nản mệt hơn vào tiết học cuối. Nhiều GV nói vào tiết cuối giọng nhỏ hơn (khàn giọng). Qua điều tra được biết có một số GV đã được mổ soi cắt hạt sơ dây thanh, đây chính là bệnh lý nghề nghiệp đến cơ quan phát âm của giáo viên. Lý do các GV phải nói to hơn chủ yếu là tiếng ồn bên ngoài sân trường, gần xưởng cơ khí, gần lớp hoạ lớp hát (39,3%), đông học sinh (21,4%); ngoài ra có GV lớp 5 có phản nản do học sinh tiếp thu bài chậm, lớp quá rộng làm GV phải cố gắng nói to.

Trường TH thị trấn ĐA được xây chuẩn. Qua phỏng vấn 23 nữ GV với thâm niên nghề từ 2-22 năm cũng tương tự như trường NK là 2 môn phải nói nhiều và nói to là Toán và tiếng Việt, tuy vậy tỷ lệ có thấp hơn so với trường NK. Lý do phải nói to duy nhất là đông HS (5/23= 21,7%), trong khi đó trường NK lý do nhiều nhất là do tiếng ồn bên ngoài (11/28= 39,3%), đông HS (6/28=21,4%). Tỷ lệ các cô trường thị trấn phản nản phải thường xuyên cố gắng nói to hơn cũng thấp hơn nhiều so với trường NK (26,1 so với 75%). Tuy nhiên tỷ lệ phản nản vì mệt vào tiết cuối gần như nhau, nhưng trường thị trấn vẫn thấp hơn so với trường ở khu vực nông thôn (82,6% so với 92,9%).

Qua tìm hiểu thấy trường thị trấn có thiết kế chuẩn và điều kiện lớp học tốt hơn so với trường NK.

Kết quả điều tra cho thấy tất cả cô giáo trong 2 trường đều không dạy thêm ở nhà trong suốt năm học cũng như vào dịp nghỉ hè.

Thời gian làm việc 5 ngày/tuần, số tiết 1 ngày từ 5-8 tiết học, mỗi tiết kéo dài 35-40 phút với thời gian dạy cả sáng và chiều từ 7.30 đến 16.30 (có nghỉ trưa) là gánh nặng đối với GV tiểu học.

KẾT LUẬN

Qua khảo sát về mặt vệ sinh trường lớp, đo đạc tiếng ồn trong quá trình học tập, bấm thời gian lao động và phỏng vấn trực tiếp giáo viên cho thấy một số yếu tố nguy cơ chính gây ảnh hưởng đến cơ quan phát âm của giáo viên tiểu học bao gồm:

- Tính chất nghề nghiệp phải sử dụng giọng thường xuyên kéo dài, nhiều giờ trong ngày.
- Giáo viên thường phải phát âm to hơn nhiều khi giao tiếp bình thường do tiếng ồn luôn vượt quá tiêu chuẩn vệ sinh cho phép (tiếng ồn trong lớp khi cô giảng bài là 68-78,4 dBA, vượt từ 13 – 23,4 dBA).
- Tiêu chuẩn lớp học hầu hết không đạt tiêu chuẩn vệ sinh (phòng học không đúng tiêu chuẩn về kích thước, không có thiết bị tăng âm .v.v.).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viện Y học lao động và Vệ sinh môi trường. Thường quy kỹ thuật Y học lao động, Vệ sinh môi trường, Sức khoẻ trường học. NXB Y học 2002.
2. Bộ Y tế. Tiêu chuẩn Vệ sinh lao động. NXB Y học 2003.
3. Phạm Thị Ngọc (2000), *Nghiên cứu bệnh giọng nghề nghiệp ở giáo viên tiểu học tại Huyện Đông Anh Thành phố Hà Nội*. Luận văn tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp II, Hà Nội-2000.